

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-PT
Ngày: 22 - 01 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Các Thẩm phán:

Ông Giáp Bá Dự

Bà Đinh Thị Như Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân –Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 95/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Cao Thanh D, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo: Cao Thanh D, sinh ngày 20/5/1996 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: 3 U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn X và bà Đoàn Thị Cẩm Thúy L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Đoàn Thanh D1 – Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

Địa chỉ: D D, phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Thanh D là Giám đốc Công ty TNHH Đ, địa chỉ tại: 3 U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình kinh doanh thì Công ty TNHH Đ thực hiện việc tạm nhập hàng hóa là than củi từ C về Việt Nam thông qua Cửa khẩu Quốc tế L2 sau đó tái xuất ra nước ngoài. Khi thực hiện việc tạm nhập – tái xuất thì D phải nộp tiền cọc tương ứng với 5% giá trị hàng hóa vào tài khoản của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Muốn nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 thì D phải đến trực tiếp ngân hàng để nộp tiền và chụp hình ảnh giấy đã nộp tiền gửi vào phần mềm “ECUS5-VNACCS 2018” của Hải quan để xác nhận. Sau khi xác nhận sẽ được thông quan hàng hóa. Tuy nhiên, do bận công việc và muốn làm nhanh thủ tục thông quan nên D đã nảy sinh ý định làm giả giấy nộp tiền.

Để làm giả giấy nộp tiền D đã lấy phôi mẫu giấy nộp tiền mẫu số 22-VTB tại Ngân hàng trong các lần đi nộp tiền trước đó rồi viết các thông tin theo mẫu vào Liên 1, nội dung sẽ in ra Liên 2. D tiến hành chụp ảnh giấy nộp tiền thật (Liên 2) đã thực hiện thành công tại Ngân hàng và giấy nộp tiền mới chỉ ghi thông tin đầy đủ theo mẫu (Liên 2) (chưa có chữ ký và con dấu của Ngân hàng) rồi đưa 02 (hai) hình ảnh này vào Laptop cá nhân. D, sử dụng phần mềm PAINT, tiến hành Copy chữ ký giao dịch viên, kiểm soát viên và hình dấu “ĐÃ THU TIỀN” của Ngân hàng, di chuyển dán vào vị trí tương ứng trên hình ảnh phôi giấy nộp tiền mà D mới chỉ ghi thông tin theo mẫu, rồi ấn lưu hình ảnh đã cắt dán. Khi dán xong, nhìn qua như giấy nộp tiền thật, có đầy đủ thông tin, màu dấu, chữ ký.

Với thủ đoạn như trên trong thời gian từ tháng 05/2022 đến tháng 7/2023, Cao Thanh D đã làm giả và sử dụng 10 (mười) giấy nộp tiền giả, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 25/5/2022, D đã làm giả giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh D2 và sử dụng giấy nộp tiền giả này chuyển cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 để thể hiện đã nộp số tiền 3.712.782 đồng cho lô hàng THAN có khối lượng 19.700kg, giá trị lô hàng 68.246.100 đồng. Trên cơ sở đó Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 đã cho thông quan số hàng hoá vào ngày 26/5/2022.

Lần thứ hai: Ngày 16/7/2022, D đã làm giả giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đ1 và sử dụng giấy nộp tiền giả này chuyển cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 để thể hiện đã nộp số tiền cọc 3.742.700 đồng cho lô hàng THAN có khối lượng 20.970kg, giá trị lô hàng 73.007.055 đồng. Trên cơ sở đó Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 đã cho thông quan số hàng hoá vào ngày 16/7/2022.

Lần thứ ba: Ngày 23/9/2022, D đã làm giả giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh D2 và sử dụng giấy nộp tiền giả này chuyển cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 để thể hiện đã nộp số tiền cọc 13.618.530 đồng cho lô hàng THAN có khối lượng 64270kg, giá trị lô hàng 271.399.356 đồng. Trên cơ sở đó Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 đã cho thông quan số hàng hoá vào ngày 23/9/2022.

Lần thứ tư: Ngày 26/9/2022, D đã làm giả giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh D2 và sử dụng giấy nộp tiền giả này chuyển cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 để thể hiện đã nộp số tiền cọc 9.119.655 đồng cho lô hàng THAN có khối lượng 42.720kg, giá trị lô hàng 181.205.424 đồng. Trên cơ sở đó Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 đã cho thông quan số hàng hoá vào ngày 26/9/2022.

Lần thứ năm: Ngày 20/10/2022, D đã làm giả giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh D2 và sử dụng giấy nộp tiền giả này chuyển cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 để thể hiện đã nộp số tiền cọc 14.014.730 đồng cho lô hàng THAN có khối lượng 63.320kg, giá trị lô hàng 272.630.592 đồng. Trên cơ sở đó Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 đã cho thông quan số hàng hoá vào ngày 20/10/2022.

Lần thứ sáu: Ngày 14/11/2022, D đã làm giả giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh D2 và sử dụng giấy nộp tiền giả này chuyển cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 để thể hiện đã nộp số tiền cọc 8.775.000 đồng cho lô hàng THAN có khối lượng 41.690kg, giá trị lô hàng 175.198.056 đồng. Trên cơ sở đó Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 đã cho thông quan số hàng hoá vào ngày 14/11/2022.

Lần thứ bảy: Ngày 17/11/2022, D đã làm giả giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh D2 và sử dụng giấy nộp tiền giả này chuyển cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 để thể hiện đã nộp số tiền cọc 9.050.000 đồng cho lô hàng THAN có khối lượng 41.520kg, giá trị lô hàng 174.483.648 đồng. Trên cơ sở đó Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 đã cho thông quan số hàng hoá vào ngày 17/11/2022.

Lần thứ tám: Ngày 14/12/2022, D đã làm giả giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh D2 và sử dụng giấy nộp tiền giả này chuyển cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 để thể hiện đã nộp số tiền cọc 8.025.000 đồng cho lô hàng THAN có khối lượng 39.820kg, giá trị lô hàng 159.757.840 đồng. Trên cơ sở đó Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 đã cho thông quan số hàng hoá vào ngày 14/12/2022.

Lần thứ chín: Ngày 16/12/2022, D đã làm giả giấy nộp tiền của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh D2 và sử dụng giấy nộp tiền giả này chuyển cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 để thể hiện đã nộp số tiền cọc 4.130.000 đồng cho lô hàng THAN có khối lượng 20.150kg, giá trị lô hàng 80.841.800 đồng. Trên cơ sở đó Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 đã cho thông quan số hàng hoá vào ngày 16/12/2022.

Lần thứ mười: Vào ngày 13/7/2023, D đã làm giả giấy nộp tiền của Ngân hàng C - Chi nhánh D2 và sử dụng giấy nộp tiền giả này chuyển cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 để thể hiện đã nộp số tiền cọc 4.225.000 đồng thông quan hàng hóa. Sau đó, Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 kiểm tra phát hiện nên đã lập biên bản và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tổng cộng D đã có hành vi làm giả và sử dụng 10 (mười) giấy nộp tiền giả của Ngân hàng gửi đến Chi cục Hải quan Cửa khẩu quốc tế L2 để thể hiện đã nộp tiền cọc số tiền 78.413.397 đồng vào tài khoản của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 để làm thủ tục Tạm nhập - Tái xuất. Do thiếu kiểm tra nên Chi cục Hải quan đã xét duyệt đủ điều kiện và làm thủ tục cho thông quan hàng hóa đối với 10 lô hàng. Sau khi thông quan các lô hàng trên đều được tái xuất theo quy định, số tiền cọc trên sẽ được trả lại cho Doanh nghiệp. Tuy nhiên, do D không nộp tiền trên thực tế nên cũng không nhận lại số tiền cọc. Do đó, Ngân sách nhà nước không bị thiệt hại.

Ngày 23/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành trưng cầu giám định đối với dữ liệu điện tử là 10 (mười) hình ảnh giấy nộp tiền được lưu trữ trong máy tính cá nhân của D (ký hiệu M1) và 10 (mười) hình ảnh giấy nộp tiền thu tại L2 (ký hiệu M2).

Tại Kết luận giám định số 1123/KLGĐ ngày 12/3/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Về đối tượng giám định:

1. Các mẫu cần giám định là các hình ảnh “Giấy nộp tiền”, ký hiệu từ A1.1 đến A1.10 và từ A2.1 đến A2.10 nêu tại mục II.1 là giả, được làm bằng cách chỉnh sửa điền thêm nội dung chữ viết vào mẫu “Giấy nộp tiền” có sẵn của ngân hàng, sau đó sao chụp lại.

2. Không đủ cơ sở để xác định được công cụ, phần mềm ứng dụng nào đã được sử dụng để làm giả các mẫu cần giám định nói trên.

3. Hình dấu đỏ nội dung “N CHI NHÁNH ĐÔNG SÀI GÒN – ĐÃ THU TIỀN” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1.1 đến A1.10 và mẫu dấu đỏ nội dung

“NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH 04 – ĐÃ THU TIỀN trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A2.1 đến A2.10 là các hình dấu giả do sao chụp lại.

4. Mười (10) mẫu cần giám định nội dung “Giấy nộp tiền” được ký hiệu từ A1.1 đến A1.10 so với mười (10) mẫu cần giám định nội dung “Giấy nộp tiền” được ký hiệu từ A2.1 đến A2.10 là có nội dung trùng khớp với tương ứng với nhau 10 (mười) mẫu vật gửi giám định là giả.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS - ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Cao Thanh D phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341 và các Điều 38; 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Thanh D 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

3. Kháng cáo của bị cáo:

Ngày 19/9/2024, bị cáo Cao Thanh D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Cao Thanh D giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Bị cáo không nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Cao Thanh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt; buộc bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

- Ý kiến của người bào chữa: Người bào chữa vắng mặt tại phiên tòa và gửi bài bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả”; “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; bị cáo phạm tội lần đầu, là trụ cột trong gia đình, cha bị cáo có nhiều thành tích trong lao động. Theo điểm b, h, s khoản 1, 2

Điều 51 của Bộ luật Hình sự; áp dụng Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống còn 02 năm tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Thanh D khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm. Theo đó: Từ tháng 05/2022 đến tháng 7/2023, với chức vụ là giám đốc Công ty TNHH Đ, địa chỉ tại: 3 U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã làm giả và sử dụng 10 (mười) giấy nộp tiền giả (giả mẫu số 22 – VTB) của Ngân hàng gửi đến Chi cục Hải quan Cửa khẩu quốc tế L2 để thể hiện đã nộp tiền cọc số tiền 78.413.397 đồng vào tài khoản của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế L2 để làm thủ tục Tạm nhập - Tái xuất 10 lô hàng là than củi. Tại Kết luận giám định số 1123/KLGĐ ngày 12/3/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận 10 giấy nộp tiền trên là giả.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác nhận nội dung, tội danh và điều luật áp dụng như bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng hành vi của bị cáo. Bị cáo thấy có tội nên không kháng cáo phần này, chỉ kháng cáo về phần hình phạt. Do đó, phần quyết định này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo:

Xét bị cáo 10 lần làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù bằng mức khởi điểm của khung hình phạt là đã khoan hồng đối với bị cáo. Cũng vì bị cáo bị xét xử về tội phạm nghiêm trọng, lại bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Bị cáo và văn bản nêu ý kiến trình bày bào chữa của luật sư cho rằng bị cáo phạm tội nhưng không gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức và ngân sách Nhà nước, bị cáo đã khắc phục sai phạm, luật sư đề nghị áp dụng thêm điểm b, điểm h khoản 1,

khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án 2 năm tù và cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là xâm phạm quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Do đó, việc đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên là không có căn cứ.

Vì các phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Thanh D. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341 và các Điều 38; 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Thanh D **03** (ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Cao Thanh D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đức Cơ;
- VKSND huyện Đức Cơ;
- Công an huyện Đức Cơ;
- Chi cục THADS huyện Đức Cơ;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án, THS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng